

## YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

*Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm gói thầu  
“Thuê thiết bị tường lửa cho hệ thống công nghệ thông tin tại Bệnh viện Mắt”*

Kính gửi: Các Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh quan tâm.

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận chào giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu “Thuê thiết bị tường lửa cho hệ thống công nghệ thông tin tại Bệnh viện Mắt” với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

- Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Mắt.
- Mã số thuế: 0301483745
- Địa chỉ: Số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 39 325 364.
- Cách thức tiếp nhận tài liệu chào giá: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Mắt - Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Chào giá mua sắm gói thầu Mua sắm bộ lưu điện theo công văn mời chào giá số ...../BVM-HCQT”

Nơi nhận: Bộ phận tiếp nhận văn thư đến - Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Tp.HCM

6. Thời hạn tiếp nhận tài liệu chào giá: Từ 10 giờ 00 ngày 23 tháng 10 năm 2025 đến trước 14 giờ 00 ngày 28 tháng 10 năm 2025.

7. Thời hạn có hiệu lực của chào giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

### II. Danh mục yêu cầu mời chào giá

| Stt | Danh mục hàng hóa  | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật      | Thời gian thuê |
|-----|--------------------|-------------|----------|-----------------------|----------------|
| 1   | Thiết bị tường lửa | Bộ          | 1        | Theo phụ lục đính kèm | 01 năm         |

### Lưu ý:

- Báo giá phải có ký tên đóng dấu xác thực của Quý Công ty. Đơn vị gửi bảng báo giá đề xuất và giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực hoạt động thuộc lĩnh vực bắt buộc phải có chứng chỉ hoạt động theo quy định.

- Đối với các yêu cầu mời chào giá hàng hóa có yêu cầu về tính năng kỹ thuật, cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa.

- Trong tài liệu của quý công ty khi chào giá gói thầu mua sắm hàng hóa vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, KHÔNG thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT; HCQT(LKT,2b)



(Tên Công ty)

## CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm/gói thầu ...

Kính gửi: **BỆNH VIỆN MẮT**

Trên cơ sở yêu cầu mời chào giá của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho gói thầu/nhu cầu mua sắm ... như sau:

1. Danh mục:

| Stt | Tên hàng hóa | Tên thương mại (nếu có) | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất | Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá + VAT (VND) | Thành tiền (VND) | Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện) | Tính năng kỹ thuật của Công ty |
|-----|--------------|-------------------------|-----------------------------------------|---------|-------------|----------|---------------------|------------------|---------------------------------------------|--------------------------------|
|     | (1)          |                         |                                         |         | (2)         | (3)      | A                   | B = A x (4)      | (5)                                         | (6)                            |
| 1   |              |                         |                                         |         |             |          |                     |                  |                                             |                                |
| 2   |              |                         |                                         |         |             |          |                     |                  |                                             |                                |

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ....

3. Thời gian thực hiện: ..... ngày.

4. Chế độ bảo hành: ..... (đối với hàng hóa).

5. Điều kiện thanh toán:

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**PHỤ LỤC DANH MỤC, THÔNG SỐ, YÊU CẦU KỸ THUẬT, TÍNH NĂNG THIẾT BỊ TƯỜNG LỬA**

(Đính kèm Công văn số 2515 /BVM-HCQT ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Mắt)

| STT       | YÊU CẦU KỸ THUẬT                                                                                                                                                                                         |                                                         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Thông số kỹ thuật thiết bị tường lửa</b>                                                                                                                                                              |                                                         |
| 1         | Thông lượng tường lửa                                                                                                                                                                                    | ≥ 47,000 Mbps                                           |
| 2         | Thông lượng IMIX                                                                                                                                                                                         | ≥ 23,500 Mbps                                           |
| 3         | Thông lượng NGFW                                                                                                                                                                                         | ≥ 9,000 Mbps                                            |
| 4         | Thông lượng IPsec VPN                                                                                                                                                                                    | ≥ 25,000 Mbps                                           |
| 5         | Thông lượng IPS                                                                                                                                                                                          | ≥ 10,500 Mbps                                           |
| 6         | Thông lượng Threat Protection                                                                                                                                                                            | ≥ 7,400 Mbps                                            |
| 7         | Số lượng kết nối đồng thời                                                                                                                                                                               | ≥ 12,260,000                                            |
| 8         | Số lượng kết nối mới/giây                                                                                                                                                                                | ≥ 186,500                                               |
| 9         | Thông lượng SSL/TLS Inspection                                                                                                                                                                           | ≥ 2,470 Mbps                                            |
| 10        | Số lượng cổng giao tiếp mạng tích hợp sẵn                                                                                                                                                                | ≥ 8 cổng GE RJ45<br>≥ 2 cổng SFP<br>≥ 2 cổng SFP+ 10 GE |
| 11        | Số lượng module có thể mở rộng                                                                                                                                                                           | ≥ 1                                                     |
| 12        | Nguồn                                                                                                                                                                                                    | Có hỗ trợ nguồn dự phòng                                |
| <b>II</b> | <b>Tính năng thiết bị tường lửa</b>                                                                                                                                                                      |                                                         |
| 1         | Cung cấp kiến trúc giúp nâng cao hiệu suất bảo vệ và phát hiện. Tăng tốc TLS Inspection, Tăng tốc DPI engine, Network Flow FastPath.                                                                     |                                                         |
| 2         | Hỗ trợ đầy đủ tính năng SD-WAN: <ul style="list-style-type: none"> <li>- WAN link Load balancing.</li> <li>- Application routing.</li> <li>- FastPath tăng tốc lưu lượng SD-WAN IPsec tunnel.</li> </ul> |                                                         |

| YÊU CẦU KỸ THUẬT |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT              |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                  | Performance-based SLAs tự động lựa chọn đường WAN tốt nhất theo: jitter, latency hoặc packet loss.                                                                                                                                                     |
| 3                | Thiết bị cho phép thiết lập các chính sách theo người dùng, nhóm người dùng, thời gian truy cập, lớp mạng, vùng mạng (User, Group, Time, Network, Zone).                                                                                               |
| 4                | Tích hợp hệ thống chống xâm nhập thế hệ mới (Next-gen IPS) theo mẫu dấu hiệu (patterns); có khả năng đánh giá mức độ rủi ro của người dùng dựa theo hành vi (User Threat Quotient). Công nghệ ngăn chặn mã độc tiên tiến (Advanced Threat Protection). |
| 5                | Thiết bị có khả năng chống các hình thức tấn công DoS, DDoS, Port Scan, Ngăn chặn truy cập theo vùng địa lý.                                                                                                                                           |
| 6                | Công nghệ đồng bộ bảo mật – chia sẻ thông tin trạng thái giữa máy trạm (Endpoint) và tường lửa (Firewall) để tự động giới hạn truy cập đối với các máy nguy hại.                                                                                       |
| 7                | Có khả năng tự động ngăn chặn sự lây lan mã độc (Lateral Movement Protection).                                                                                                                                                                         |
| 8                | Hỗ trợ xác thực bằng nhiều phương thức, như: Synchronized User ID; Active Directory; eDirectory; Radius; Tacacs+; LDAP.                                                                                                                                |
| 9                | Có khả năng tự động nhận dạng, phân loại và kiểm soát tất cả ứng dụng.                                                                                                                                                                                 |
| 10               | Hỗ trợ các giao thức VPN Site-to-site: IPsec, SSL.                                                                                                                                                                                                     |
| 11               | Hỗ trợ các giao thức VPN Remote Access: IPsec, SSL, L2TP, iPhone/iPad/Cisco/Android VPN client, Clientless VPN HTML5.                                                                                                                                  |
| 12               | Hỗ trợ quét mã độc trên các giao thức: HTTP/S, FTP và web-based email.                                                                                                                                                                                 |
| 13               | Hỗ trợ đầy đủ chức năng bảo vệ, kiểm soát Web và ứng dụng.                                                                                                                                                                                             |
| 14               | Chức năng DNS Protection giúp bảo vệ, ngăn chặn việc truy cập vào các địa chỉ web/url độc hại khi phân giải DNS và kiểm soát tuân thủ để chặn các trang web theo danh mục.                                                                             |
| 15               | Chức năng cho phép Firewall tự động giám sát và ngăn chặn các mã độc được phát hiện bởi các nguồn cung cấp dữ liệu được công bố từ các chuyên gia, MDR/XDR, SOC Analysis và cả third-party.                                                            |
| 16               | Ngăn chặn mã độc và tấn công Zero-day:<br>- Sử dụng Dynamic Sandbox để kiểm tra các tập tin thực thi và các tài liệu có chứa nội dung thực thi<br>- Sử dụng máy học với Deep learning để quét lại tất cả các tập tin bị loại bỏ.                       |

| YÊU CẦU KỸ THUẬT |                                                                                                                                                                                                    |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT              |                                                                                                                                                                                                    |
|                  | - Có khả năng phát hiện hành vi tấn công (Exploit prevention) và mã độc tổng tiền (Ransomware).<br>Ngăn chặn các hình thức khai thác (Exploit prevention) và mã độc tổng tiền (Ransomware).        |
| 17               | Tích hợp sự kiểm tra và tương quan với cơ sở dữ liệu lớn về Threat Intelligence. Cung cấp giao diện và kết quả chi tiết về kết quả phân tích về các mối nguy hại.                                  |
| 18               | Cung cấp Trung tâm điều phối hỗ trợ việc kết nối Site-to-site VPN cho đã chi nhánh được tự động dễ dàng và đơn giản hơn.                                                                           |
| 19               | Bảo vệ máy chủ Web khỏi các tấn công như SQL injection, Cross-site scripting, Cookie signing. Hỗ trợ Reverse proxy, Path-based routing, cân bằng tải cho nhiều máy chủ, công nghệ dual-antivirus.  |
| 20               | Quarantines các mail chứa malware và spam. Hỗ trợ mã hóa Email gửi và Chống thất thoát dữ liệu qua email (DLP), cung cấp sẵn các tiêu chuẩn hạn chế nội dung phù hợp PII, PCI, HIPAA               |
| 21               | Quản lý thông qua giao diện Web GUI, CLI hoặc quản lý tập trung nhiều thiết bị qua Cloud Management.                                                                                               |
| 22               | Hỗ trợ ghi nhận đầy đủ log, báo cáo tại thiết bị và trên Central Cloud-based. Hỗ trợ báo cáo chi tiết theo nhiều tiêu chuẩn (Compliance reports): HIPAA, GLBA, SOX, FISMA, PCI, NERC CIP v3, CIPA. |
| 23               | Thiết bị có đầy đủ bản quyền sử dụng các tính năng bảo mật nâng cao.                                                                                                                               |

